

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3905/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số
và Sức khỏe sinh sản Việt Nam của Thành phố Hồ Chí Minh
giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Thành ủy, thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số và Kế hoạch hóa gia đình” và Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư về “Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”;

Căn cứ Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số và Kế hoạch hóa gia đình;

Căn cứ Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách về Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế Thành phố tại Tờ trình số 3910/TTr-SYT ngày 10 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam của Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Hành động thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3905/QĐ-UBND

ngày 31 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản của Thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chính sách dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm góp phần triển khai thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố giai đoạn 2011 - 2015, đồng thời là cơ sở quan trọng cho việc thực hiện thắng lợi Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ TỪ NĂM 2001 - 2010

1. Tình hình thực hiện mục tiêu của Chiến lược:

1.1. Mức sinh liên tục giảm trong từng năm, đạt khá tốt các chỉ tiêu mục tiêu dân số được giao:

- Tỷ suất sinh thô giảm từ 17,00‰ năm 2001 xuống còn 13,98‰ năm 2010, bình quân tỷ lệ sinh mỗi năm giảm 0,3‰, vượt chỉ tiêu kế hoạch hàng năm (giảm bình quân năm 0,1‰).

- Tỷ lệ trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên giảm đều hàng năm, bình quân giảm 0,2%/năm, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (giảm từ 0,1 - 0,2%/năm).

- Tổng tỷ suất sinh từ 1,72 con năm 2001, giảm xuống còn 1,45 con năm 2010 (chỉ tiêu kế hoạch của thành phố đề ra đến năm 2010 tổng tỷ suất sinh dưới 1,70 con).

1.2. Sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại đạt ở mức cao, từng bước đa dạng hóa các biện pháp tránh thai, góp phần duy trì xu thế giảm sinh:

- Tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tránh thai trên 80%; trong đó tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại được duy trì đều ở mức phần đầu trên 68% (năm 2001: 67,0%, năm 2006: 67,4%, năm 2010 đạt 72%), đạt chỉ tiêu kế hoạch thành phố đề ra (tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tránh thai trên 70%).

1.3. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em đạt kết quả khá cao:

- Tỷ suất chết mẹ dưới 10/100.000 trẻ đẻ sống. Năm 2010 là 6,82/100.000 trẻ đẻ sống, vượt chỉ tiêu Chiến lược Sức khỏe sinh sản đề ra (70/100.000 trẻ đẻ sống).

- Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi bình quân năm dưới 11‰ (năm 2001 là 15,1‰, năm 2010 là 9,65‰). Vượt chỉ tiêu Chiến lược (25‰).

- Giảm số trường hợp nạo phá thai hàng năm. Năm 2000 số ca nạo phá thai là 127/100 trẻ đẻ ra sống, năm 2010 còn 76/100 trẻ đẻ ra sống, kết quả giảm 40,2% so với năm 2000. Đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (giảm 10% mỗi năm).

1.4. Quy mô, cơ cấu dân số tiếp tục thay đổi; người nhập cư đến thành phố vẫn ở mức độ cao, phân bố dân số không đều:

- Dân số thành phố năm 2010 là 7.396.446 người, trong đó nữ 3.864.899 người, (tỷ lệ nữ 52,25%). Dân số thành thị 6.152.262 người (chiếm 83,18%); dân số nông thôn 1.244.182 người. Chỉ tiêu qui mô dân số thành phố đến năm 2010 là 7,2 triệu người. Tỷ lệ tăng dân số của thành phố giai đoạn 1999 - 2009 là 3,5%/năm.

- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên giảm dần theo từng năm, năm 2001 là 13,00‰, năm 2005: 11,44‰, năm 2010: 10,35‰, bình quân mỗi năm giảm 0,28‰. Vượt chỉ tiêu kế hoạch thành phố đề ra (giảm bình quân mỗi năm khoảng 0,1‰). Tỷ lệ tăng dân số cơ học vẫn ở mức độ cao, 2001 là 22,54‰, năm 2006 là 19,91‰ đến 2009 là 25‰.

- Tỷ suất chết thô giảm dần trong các năm và ở mức bình quân dưới 4‰ (năm 2005: 4,17‰ năm 2010 giảm xuống còn 3,63‰). Vượt chỉ tiêu Chiến lược đề ra (giảm 5‰).

- Tỷ số giới tính khi sinh có chênh lệch và không đều ở các giai đoạn, năm 1999 là 110 bé trai/100 bé gái, năm 2009 là 112,3 bé trai/100 bé gái; năm 2011 là 108 bé trai/100 bé gái.

- Phân bố dân số không đều giữa các quận - huyện, dân số của 19 quận là 6.060.202 người (tỷ lệ 83,18%), dân số 5 huyện là 1.336.244 người (tỷ lệ 16,82%). Có 02 quận dân số trên 500 ngàn dân (quận Gò Vấp, quận Bình Tân), 07 quận-huyện dân số trên 400 ngàn dân (quận 8, quận 12, quận Tân Bình, quận Tân Phú, quận Bình Thạnh, quận Thủ Đức, huyện Bình Chánh), trên 300.000 dân có 02 huyện (huyện Củ Chi, huyện Hóc Môn).

1.5. Kết quả thực hiện các chỉ báo kiểm định chất lượng dân số, sức khỏe sinh sản có tiến bộ đáng kể, góp phần nâng chất lượng cuộc sống:

- Chỉ số phát triển con người (HDI) của thành phố năm 2009 xếp hạng thứ 3/63 tỉnh, thành phố;

- Tuổi thọ trung bình của người dân thành phố ở mức khá cao 75,1 tuổi, thời điểm năm 2009;

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 11%, GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 2.800 USD; Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thu nhập 12 triệu đồng/người/năm 3,79%, thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011;

- Thành phố đã hoàn thành phổ cập bậc trung học năm 2008.

- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 7,6%.

2. Tình hình thực hiện các giải pháp của Chiến lược

- Công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình được sự quan tâm tích cực của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể và được thực hiện tương đối đồng bộ, nội dung, hình thức được chú ý cải tiến với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, nội dung hình thức được đổi mới; giáo dục về dân số và sức khỏe sinh sản được đưa vào các nhóm đối tượng của chương trình như: nhóm người trong độ tuổi sinh đẻ, nhóm phụ nữ lao động nhập cư, nhóm phụ nữ lao động nghèo các địa bàn khó khăn, nhóm thanh niên - vị thành niên trong trường học, đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành vi của người dân.

- Quy mô gia đình ít con ngày càng được sự đồng thuận cao của xã hội, hiểu biết và thực hành về kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em trong các tầng lớp nhân dân được nâng lên rõ rệt. Các hoạt động truyền thông được thực hiện khá tốt, góp phần vào việc xây dựng các chính sách, huy động thêm nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi cho công tác dân số và sức khỏe sinh sản.

- Mạng lưới dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được củng cố và phát triển. Mạng lưới y tế công lập và ngoài công lập cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình phát triển bao gồm các Bệnh viện chuyên khoa phụ sản, Bệnh viện đa khoa có khoa phụ sản, các Phòng khám phụ sản, Nhà hộ sinh, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản thành phố, khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản thuộc Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện, trạm y tế phường - xã. Mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được củng cố, kiện toàn ở các tuyến, đáp ứng nhu cầu cơ bản của người dân thành phố về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

- 100% phường - xã, thị trấn có trạm y tế; 74% phường - xã, thị trấn (238/322) đạt chuẩn quốc gia về y tế; 88,5% số trạm y tế phường - xã, thị trấn (285/322) có bác sĩ; 320/322 phường - xã, thị trấn có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi; 100% khu phố - ấp có cộng tác viên dân số. Hầu hết nữ hộ sinh, y sĩ sản nhi, nhân viên y tế cơ sở được đào tạo và có kỹ năng cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình theo chuẩn quốc gia; cán bộ chuyên trách và cộng tác viên dân số được tập huấn về kiến thức, kỹ năng và thực hiện cung cấp các dịch vụ tư vấn, biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Nhiều văn bản chính sách được ban hành, đặc biệt là chính sách dành riêng cho người thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, khen thưởng phường - xã, thị trấn, khu phố - ấp không có người sinh con thứ 3 trở lên, tạo được phong trào thi đua thiết thực ở địa bàn dân cư. Các chỉ tiêu phấn đấu về dân số - sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình được các Cấp ủy Đảng đưa vào Nghị quyết, chính quyền đưa vào chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Đầu tư thêm nguồn lực cho chương trình mục tiêu từ nguồn ngân sách địa phương mỗi năm hơn 10 tỷ đồng.

- Việc xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đã được chú trọng và có nhiều chuyển biến tích cực. Mạng lưới cung cấp dịch vụ tư nhân chăm sóc sức khỏe sinh sản được mở rộng, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội; tiếp thị xã hội phương tiện tránh thai được tăng cường, dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản được mở rộng; tỷ lệ khách hàng tự chi trả ngày càng tăng.

- Bộ máy tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình các cấp tiếp tục được củng cố, kiện toàn đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

- Hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được củng cố, hoàn thiện, có 25 kho dữ liệu điện tử (thành phố và 24 quận - huyện), đã nhập được trên 98% thông tin từ sổ hộ gia đình vào kho dữ liệu điện tử, bước đầu phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành chương trình, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hệ thống báo cáo, thông tin, số liệu được cập nhật ngày càng tốt hơn.

3. Nhận xét, đánh giá:

a) Mặt mạnh:

Sự quan tâm của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến quận - huyện, phường - xã, thị trấn; từng cấp có kế hoạch cụ thể nhằm tổ chức triển khai thực hiện chính sách

dân số và sức khỏe sinh sản; nhiều biện pháp được phối hợp đồng bộ với các ban, ngành, đoàn thể chức năng, từ đó đã huy động được nhiều nguồn lực tham gia công tác dân số và sức khỏe sinh sản. Nội dung dân số và sức khỏe sinh sản đã được lồng ghép vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình, kế hoạch hoạt động của ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, phong trào thi đua công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được xây dựng và duy trì liên tục ở địa bàn dân cư và phường - xã, thị trấn.

Sự nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm, nỗ lực kiên trì thực hiện công tác của đội ngũ cán bộ dân số, y tế, cộng tác viên dân số từ thành phố đến cơ sở đã tác động trực tiếp đến nhận thức của người dân về thực hiện chính sách dân số và sức khỏe sinh sản, từ đó điều chỉnh hành vi theo hướng tích cực và đã có sự chuyển biến tích cực trong hôn nhân và sinh đẻ của người dân.

b) Những khó khăn hạn chế, bất cập:

Những năm qua, thành phố đã hoàn thành tốt mục tiêu dân số và chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tuy nhiên, trong điều kiện đặc thù về dân số như: dân số đông, phân bố dân số không đều, các quận - huyện khu vực vùng ven có tốc độ đô thị hóa nhanh, biến động dân cư rất lớn, dân nhập cư đông, dân số thực tế thường trú tăng lên đáng kể (bình quân mỗi năm tăng 3,5%), trình độ dân trí không đồng đều, là những áp lực khó khăn trong công tác quản lý dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và thực hiện công tác kế hoạch hóa gia đình.

c) Nguyên nhân của hạn chế bất cập:

Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ đến công tác dân số và sức khỏe sinh sản; chưa tạo được sự phối hợp hoạt động đồng bộ giữa các ban, ngành, đoàn thể.

Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân số không ổn định, do đó gặp không ít khó khăn trong việc tham mưu, phối hợp, triển khai các hoạt động trên địa bàn thành phố. Năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ chưa mạnh, cán bộ cấp phường - xã, thị trấn còn phải kiêm nhiệm nhiều công tác khác, cộng tác viên dân số thay đổi nhiều, trình độ năng lực còn hạn chế.

Đầu tư nguồn lực của Nhà nước cho công tác dân số và sức khỏe sinh sản chưa đáp ứng nhu cầu thực hiện các giải pháp, nhất là hoạt động truyền thông giáo dục.

II. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ giai đoạn 2010 - 2015 thực hiện kết luận số 44-KL/TW ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Bộ Chính trị về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình”.

- Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

- Thông báo số 05/TB-VPCP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại Hội nghị trực tuyến triển khai Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011 - 2020.

- Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

- Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách về Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015.

2. Những vấn đề cần giải quyết:

a) Vấn đề chăm sóc sức khỏe sinh sản:

Tỷ lệ nạo phá thai ngoài ý muốn vẫn còn cao. Năm 2010 có 76 ca nạo phá thai/100 trẻ sinh sống; tỷ lệ vị thành niên, thanh niên hiểu biết chưa đúng về tình dục an toàn 58% (theo số liệu khảo sát); tình hình nhiễm khuẩn đường sinh sản trung bình 45% (số phụ nữ khám phụ khoa trong các đợt Chiến dịch); tình hình lây nhiễm HIV/AIDS cần tiếp tục được quan tâm (6 tháng đầu năm 2012 có 1064 trường hợp nhiễm mới); nhóm dân số lao động trẻ cao, dân số lao động nhập cư trên 1 triệu người; do điều kiện sống xa gia đình nên nhóm lao động nhập cư thường thiếu thốn, khao khát tình cảm.

b) Cần quan tâm đến việc cải thiện và nâng cao chất lượng dân số những năm đầu đời để giải quyết thực trạng dân số và đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu Chiến lược.

Thực tế việc kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân của các cặp nam, nữ chuẩn bị kết hôn chưa được quan tâm, tuy nhiên tỷ lệ phát hiện mắc bệnh cao trên 30% (số nam nữ thanh niên được khám bởi mô hình tư vấn - kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân); các

bà mẹ hiểu biết về sàng lọc trước sinh và sơ sinh không đúng là 58%, tỷ lệ phát hiện bệnh tật qua sàng lọc là 1,5 đến 2%; tình trạng lây truyền HIV từ mẹ sang con năm 2011 là 2,9%; tình hình trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn dưới 7%, và tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì 9%; kiến thức phòng chống dịch bệnh của dân cư các khu xóm lao động nghèo, các khu nhà trọ, vùng ven, nông thôn còn hạn chế, tình hình dịch bệnh dễ xảy ra ở các khu vực này như sốt xuất huyết, tay chân miệng.

c) Vấn đề mất cân bằng tỷ số giới tính khi sinh:

Tỷ số giới tính khi sinh của thành phố trong các năm qua dao động từ 108 - 110 bé trai/100 bé gái (kết quả tổng điều tra dân số nhà ở năm 2009, tỷ số giới tính khi sinh của thành phố là 112,3/100); tình hình mất cân bằng giới tính khi sinh ở các huyện ngoại thành còn khá cao, do nhận thức của người dân thích con trai hơn con gái; phương pháp sinh con theo ý muốn còn phổ biến ở các phòng mạch tư, sách báo, tài liệu.

d) Duy trì mức sinh hợp lý:

Dân số lao động nhập cư trên 1 triệu người, bên cạnh đó dân số nữ trong độ tuổi sinh đẻ khá cao, nếu không có chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình thích hợp thì khả năng mức sinh sẽ khó kiểm giữ.

đ) Vấn đề chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

Số người cao tuổi của thành phố tiếp tục tăng, tổng số người từ 60 tuổi trở lên là 475.762 người (chiếm tỷ lệ 6,6% dân số), người cao tuổi cần được đặc biệt quan tâm chăm sóc.

3. Mục tiêu:

3.1. Mục tiêu tổng quát:

Nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, duy trì mức sinh hợp lý, giải quyết tốt những vấn đề về cơ cấu dân số và phân bố dân cư góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

3.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

- **Mục tiêu 1:** Duy trì tổng tỷ suất sinh hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu kế hoạch hóa gia đình của người dân, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ sinh sản có chất lượng; chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu của cả nước vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 1: Hàng năm duy trì mức sinh hợp lý.

+ Chỉ tiêu 2: Quy mô dân số thành phố khoảng 8,6 triệu người vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 3: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa GDP bình quân hàng năm 12%; đến năm 2015 tổng sản phẩm nội địa GDP bình quân trên đầu người đạt 4.800 USD.

+ Chỉ tiêu 4: Tuổi thọ trung bình: 75,9 tuổi.

+ Chỉ tiêu 5: Tiếp tục duy trì kết quả chống mù chữ; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và phổ cập bậc trung học; thực hiện phổ cập ngoại ngữ, tin học cho học sinh phổ thông.

- **Mục tiêu 2:** Kiểm giữ tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tập trung tại các quận - huyện có tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

+ Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá mức 110 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 2: Các quận, huyện có tỷ số giới tính khi sinh cao giảm xuống còn không quá 111 bé trai/100 bé gái vào năm 2015.

- **Mục tiêu 3:** Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật do rối loạn chuyển hóa và di truyền ở trẻ sơ sinh; nâng cao sức khỏe, giảm bệnh, tật, tử vong ở trẻ em.

+ Chỉ tiêu 1: Mức giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi $\leq 9,3\%$ vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ bà mẹ đang mang thai được sàng lọc trước sinh đạt 50% vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc đạt 60% vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 8%.

+ Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ vị thành niên, thanh niên được truyền thông, tư vấn về sức khỏe sinh sản là 90% và tỷ lệ thành niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn được khám sức khỏe tiền hôn nhân là 70%.

- **Mục tiêu 4:** Giảm nhiễm khuẩn đường sinh sản, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục; chủ động phòng ngừa, phát hiện và điều trị sớm ung thư đường sinh sản, chú trọng sàng lọc ung thư đường sinh sản ở phụ nữ trong độ tuổi 30 - 54 tuổi.

+ Chỉ tiêu 1: Giảm 20% tỷ lệ nhiễm khuẩn đường sinh sản so với năm 2010.

+ Chỉ tiêu 2: Giảm 15% tỷ lệ nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục so với năm 2010.

+ Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ phụ nữ ở độ tuổi 30 - 45 được sàng lọc ung thư cổ tử cung đạt 40% vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ phụ nữ trên 40 tuổi được sàng lọc ung thư vú đạt 45% vào năm 2015.

- **Mục tiêu 5:** Giảm tỷ lệ phá thai xuống dưới mức 55/100 trẻ sinh ra sống vào năm 2015, cơ bản loại trừ phá thai không an toàn.

- **Mục tiêu 6:** Cải thiện sức khỏe sinh sản của người chưa thành niên và thanh niên.

+ Chỉ tiêu 1: Tăng tỷ lệ điểm cung cấp dịch vụ đã được tập huấn về chăm sóc sức khỏe sinh sản thân thiện với người chưa thành niên và thanh niên lên 50% trên tổng số điểm cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 2: Giảm 20% số người chưa thành niên có thai ngoài ý muốn vào năm 2015.

- **Mục tiêu 7:** Nâng cao sức khỏe bà mẹ, giảm tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản $\leq 10/100.000$ trẻ sinh sống vào năm 2015.

- **Mục tiêu 8:** Cải thiện sức khỏe sinh sản người dân nhập cư, người khuyết tật, người nhiễm HIV; đáp ứng kịp thời nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người là nạn nhân của bạo lực vì lý do giới tính và trong trường hợp thảm họa, thiên tai.

Tăng tỷ lệ tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của người dân nhập cư, người khuyết tật, người nhiễm HIV lên 50% vào năm 2015.

- **Mục tiêu 9:** Tăng cường chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

+ Tăng tỷ lệ cơ sở y tế tuyến quận - huyện trở lên có điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi lên 35% vào năm 2015.

+ Tăng tỷ lệ người cao tuổi được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng lên 40% vào năm 2015.

- **Mục tiêu 10:** Tăng cường lồng ghép các vấn đề dân số vào hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện thông tin quản lý về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đáp ứng yêu cầu xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác dân số và sức khỏe sinh sản:

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo được nêu tại các văn bản: Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ giai đoạn 2010 - 2015 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 về quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số và Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi Khoản 6, Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010; Quy định số 94-QĐ/TW ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình và Quyết định số 09-QĐ/TW ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Bộ Chính trị về bổ sung, sửa đổi Điều 7, Quy định số 94-QĐ/TW ngày 15 tháng 10 năm 2007; Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chương trình hành động về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015 trong cán bộ, đảng viên và chỉ đạo tuyên truyền Chiến lược trong đoàn viên, hội viên các đoàn thể và nhân dân.

- Công tác dân số, sức khỏe sinh sản là một nội dung trọng tâm trong các chương trình, kế hoạch công tác thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền. Các chỉ tiêu về dân số - sức khỏe sinh sản cần được lồng ghép vào việc hoạch định cụ thể trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 và những năm tiếp theo.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách pháp luật, các chương trình, kế hoạch về dân số và sức khỏe sinh sản, đặc biệt là kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ chẩn đoán và lựa chọn giới tính thai nhi; nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện các chính sách, pháp luật.

2. Truyền thông - giáo dục chuyển đổi hành vi:

- Thường xuyên cung cấp thông tin cập nhật, có chất lượng về các vấn đề dân số, sức khỏe sinh sản đến lãnh đạo các cấp, những người có uy tín trong cộng đồng nhằm tạo sự ủng hộ, cam kết mạnh hơn về chính sách, nguồn lực và tạo dư luận xã

hội thuận lợi cho công tác dân số, sức khỏe sinh sản. Tăng cường các cuộc tiếp xúc trao đổi trên các phương tiện thông tin đại chúng với lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp, các chức sắc tôn giáo, những người có ảnh hưởng trong xã hội về những vấn đề về dân số, sức khỏe sinh sản nhằm đảm bảo thông tin đúng đắn, đa chiều.

- Tiếp tục thực hiện và nâng cao hiệu quả truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới cộng tác viên dân số, cán bộ trạm y tế, tuyên truyền viên của các ban, ngành, đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội nhằm tạo sự thay đổi hành vi bền vững về dân số, sức khỏe sinh sản nhất là các xã vùng sâu, ven biển, khu vực có nhiều người lao động nhập cư, các khu xóm lao động nghèo, các khu công nghiệp, khu chế xuất. Tăng cường về số lượng và chất lượng các hoạt động tư vấn theo nhóm, tăng cường hoạt động của các điểm tư vấn, tư vấn thông qua các lần cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

- Triển khai mạnh, có hiệu quả các hoạt động truyền thông, giáo dục với nội dung, hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng; ưu tiên những nhóm đối tượng khó tiếp cận thông tin và dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, bao gồm cả giáo dục về phòng ngừa nhiễm HIV, bình đẳng giới, mất cân bằng giới tính khi sinh và sức khỏe tình dục cho nhóm vị thành niên và thanh niên, đặc biệt là lao động nhập cư trẻ, công nhân trẻ trong các khu công nghiệp, khu chế xuất thông qua các phương pháp truyền thông tiếp cận phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể các cấp để lồng ghép truyền thông về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đến đoàn viên, hội viên, các đoàn thể và nhân dân nhằm tạo sự đồng tình thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Nâng cao chất lượng các chương trình, tin, bài về dân số, sức khỏe sinh sản, tăng số lượng các chương trình, tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là trên truyền hình và phát thanh. Xây dựng các thông điệp truyền thông thích hợp, dễ hiểu; tăng cường sử dụng internet, trên mạng Medinet của Sở Y tế, truyền thông đa phương tiện để cung cấp thông tin, kiến thức, tạo sự chuyển đổi hành vi về dân số và sức khỏe sinh sản cho các đối tượng có sử dụng các phương tiện này. Nâng cao chất lượng trang web của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình nhằm cung cấp thông tin, kiến thức, trao đổi tư vấn cho các đối tượng có nhu cầu.

- Mở rộng các hình thức tư vấn của các cơ sở dịch vụ, các trung tâm, điểm tư vấn thành phố, quận - huyện. Tăng cường về số lượng và chất lượng các hoạt động tư

vấn theo nhóm, làm tốt việc tư vấn trước và sau khi cung cấp dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản; mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động mô hình tư vấn sức khỏe sinh sản - tiền hôn nhân.

3. Mở rộng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình:

- Tăng cường năng lực mạng lưới cung cấp dịch vụ có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với thực tế của địa phương và bảo đảm đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người dân thành phố, ưu tiên vùng ngoại thành, ven biển, các khu vực đông dân nhập cư, các khu chế xuất, khu công nghiệp; củng cố, hoàn thiện mạng lưới cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng mạng lưới chăm sóc sơ sinh.

- Mở rộng chương trình, tiến tới mở rộng cung cấp các dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh, đưa các dịch vụ này trở thành thường quy tại các cơ sở y tế tuyến quận - huyện. Tổ chức quản lý những trường hợp được phát hiện bệnh, tật bẩm sinh để tư vấn, vận động và hỗ trợ theo dõi, điều trị thích hợp tại cơ sở y tế theo quy định. Từng bước phát triển, lồng ghép các dịch vụ tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân và tư vấn khi phụ nữ chuẩn bị mang thai.

- Bổ sung nhân lực, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho nhân viên cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình theo phân cấp và phân tuyến kỹ thuật. Đào tạo và cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ, chú trọng kỹ năng tư vấn và giáo dục sức khỏe cộng đồng.

- Bổ sung, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, dụng cụ y tế cho các điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, đảm bảo các yêu cầu về quy trình và phân tuyến kỹ thuật, ưu tiên cho tuyến cơ sở, tuyến quận, huyện. Chú trọng đảm bảo các phương tiện vận chuyển, trang thiết bị và dụng cụ y tế để đưa dịch vụ đến tận người dân ở những địa bàn khó khăn.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời, thuận tiện các phương tiện tránh thai cho các đối tượng có nhu cầu, có đăng ký sử dụng. Nâng cao chất lượng hoạt động tiếp thị xã hội và cung cấp các phương tiện tránh thai an toàn thuận tiện cho các đối tượng sử dụng.

- Mở rộng mô hình cung cấp dịch vụ thân thiện với vị thành niên và thanh niên. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, tư vấn lồng ghép với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe thân thiện với vị thành niên và thanh niên (mở rộng mô hình góc thân thiện vị thành niên, thanh niên tại các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản).

- Dự phòng, sàng lọc và điều trị ung thư đường sinh sản. Cập nhật chuyên môn kỹ thuật về dự phòng phát hiện và xử lý ung thư đường sinh sản; tổ chức mạng lưới khám phát hiện và điều trị sớm ung thư đường sinh sản; nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua tầm soát ung thư vú, ung thư cổ tử cung trở thành thường quy; đảm bảo nguồn lực phục vụ cho chẩn đoán và điều trị ung thư đường sinh sản.

- Thực hiện quy trình kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện các quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình tại tất cả các tuyến, các cơ sở cung cấp dịch vụ kể cả y tế tư nhân. Chú trọng hoạt động cung cấp thông tin, tư vấn cho khách hàng trước, trong và sau khi thực hiện dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; xác định tư vấn là một bước quan trọng phải thực hiện trong quá trình cung cấp dịch vụ.

- Cập nhật các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Phát triển khoa chăm sóc người cao tuổi ở một số bệnh viện thành phố và một số bệnh viện quận - huyện; triển khai các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; sức khỏe sinh sản cho nam giới, tư vấn về sức khỏe tình dục; điều trị các rối loạn tiền mãn kinh, mãn kinh, mãn dục nam; lồng ghép tuyên truyền giáo dục với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

4. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ làm công tác dân số và sức khỏe sinh sản các cấp:

- Tiếp tục củng cố và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình các cấp, phù hợp với tính chất khó khăn, phức tạp và lâu dài của công tác dân số - sức khỏe sinh sản theo hướng thống nhất mô hình tổ chức bộ máy chuyên trách dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương là Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; bổ sung đủ số lượng, nâng cao chất lượng của cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; chuyên cán bộ không chuyên trách làm công tác dân số ở phường - xã, thị trấn thành viên chức dân số.

- Củng cố nhân lực và phương tiện hoạt động của khoa sản bệnh viện, Trung tâm y tế dự phòng quận - huyện. Phân đầu 100% phường - xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Đảm bảo 100% phường - xã, thị trấn có cán bộ chuyên trách là viên chức dân số làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; củng cố, bổ sung kịp thời số cộng tác viên dân số do có thay đổi nhằm đảm bảo tất cả các địa bàn đều có cộng tác viên dân số quản lý; củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của cộng tác viên và nhân viên y tế cơ sở trong việc tuyên truyền vận động, quản lý đối tượng và cung cấp các dịch vụ

thích hợp đến tận hộ gia đình. Thường xuyên củng cố bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các cấp, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo.

- Ưu tiên nguồn lực để đào tạo trình độ trung cấp y tế - dân số hoặc lớp bồi dưỡng kiến thức dân số cơ bản cho cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình cấp phường - xã, thị trấn ngay trong giai đoạn đầu của kế hoạch. Quan tâm thích đáng đến việc đào tạo đại học, sau đại học về dân số, sản khoa, nhi khoa, lão khoa; đảm bảo mỗi quận - huyện đều có cán bộ đạt trình độ đại học về những lĩnh vực này, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ có trình độ cao về dân số và sức khỏe sinh sản; thường xuyên tổ chức lớp bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác truyền thông, giáo dục, cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản ở các tuyến bao gồm cả khu vực tư nhân. Cập nhật kiến thức, kỹ năng cho cán bộ dân số cơ sở, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế cơ sở.

5. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách dân số và sức khỏe sinh sản:

- Thực hiện tốt Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách về Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015; xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và Nhà nước đối với đảng viên, công chức, viên chức vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các chính sách pháp luật về dân số.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến công tác dân số và sức khỏe sinh sản để kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp.

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đảm bảo thực thi có hiệu quả trong lĩnh vực dân số, sức khỏe sinh sản.

- Hoàn thiện các chính sách khuyến khích trong lĩnh vực dân số, sức khỏe sinh sản thích hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Xây dựng một số chính sách khuyến khích như: Nhóm chính sách nhằm giải quyết một số nhiệm vụ trọng tâm các vấn đề mới đặt ra như: mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nữ lao động nhập cư, phụ nữ khu vực nông thôn ngoại thành; nhóm chính sách ưu đãi đối với cán bộ làm công tác dân số và sức khỏe sinh sản, nhất là đối với cán bộ cơ sở, cộng tác viên dân số, cán bộ y tế cơ sở.

6. Xã hội hóa, phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế:

- Huy động rộng rãi các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng tham gia công tác truyền thông, giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, tham gia cung cấp các dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản với những hình thức phù hợp với quy hoạch phát triển, yêu cầu và đặc điểm của công tác dân số, sức khỏe sinh sản của thành phố.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, đề cao trách nhiệm tham gia của từng ngành, lĩnh vực trong thực hiện công tác dân số, sức khỏe sinh sản từ thành phố đến cơ sở, đặc biệt là giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan mật thiết đến các mục tiêu và giải pháp của kế hoạch hành động. Xây dựng kế hoạch cụ thể để phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân là thành viên Ban Chỉ đạo công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các cấp.

- Phát huy vai trò và sự tham gia tích cực của các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, đặc biệt là các hội nghề nghiệp trong việc thực hiện và giám sát các hoạt động cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ về tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm của các nước và các tổ chức quốc tế.

7. Đào tạo, nghiên cứu khoa học, thông tin số liệu và tài chính:

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu về các lĩnh vực dân số, sức khỏe sinh sản và phát triển bền vững. Ưu tiên ứng dụng, phổ biến những thành tựu khoa học, công nghệ và tiên bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực liên quan đến dân số, sức khỏe sinh sản. Tăng cường đầu tư cho các hoạt động thông tin khoa học, cung cấp tài liệu, sách báo, ấn phẩm,... giúp các nhà quản lý, nghiên cứu tiếp cận dễ dàng với các nguồn tư liệu về các lĩnh vực liên quan đến dân số, sức khỏe sinh sản.

- Vận hành và nâng cao chất lượng hoạt động của kho dữ liệu cấp thành phố và quận - huyện; lập báo cáo thống kê dân số trên mạng máy tính; từng bước tiến tới tin học hóa công tác thống kê; hoàn thiện cơ chế, mở rộng các hình thức trao đổi, chia sẻ thông tin, số liệu liên quan đến dân số, sức khỏe sinh sản giữa các cơ quan, tổ chức; tăng cường phối hợp liên ngành trong việc sử dụng thông tin, đánh giá hiệu quả, tác động của dân số, sức khỏe sinh sản.

8. Đầu tư và khai thác các nguồn lực cho công tác dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình:

- Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí của Trung ương, tăng cường mức đầu tư

kinh phí của địa phương cho công tác dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, đồng thời huy động sự đóng góp của cộng đồng, đảm bảo đủ kinh phí triển khai toàn diện công tác dân số cả về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số và quản lý dân số. Xác định đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển bền vững mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Tranh thủ sự hỗ trợ hàng hóa, thuốc men, trang thiết bị và dụng cụ y tế cũng như chuyển giao công nghệ, kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ, cá nhân người nước ngoài, các tổ chức xã hội từ thiện.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tập thể và cá nhân đầu tư vào lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, dịch vụ an sinh, phúc lợi xã hội thích ứng với những thay đổi về dân số của thành phố.

- Thực hiện phân bổ công khai ngân sách hàng năm cho chương trình theo hướng tập trung cho cơ sở; nguồn ngân sách Trung ương, Thành phố chủ yếu để thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch, thực hiện chi tiêu pháp lệnh của Nhà nước.

- Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn có trách nhiệm chủ động cân đối ngân sách và huy động các nguồn lực khác, đáp ứng nhu cầu của nhân dân sống tại địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý; đồng thời đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu của kế hoạch hành động.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân chia giai đoạn thực hiện kế hoạch hành động:

a) Giai đoạn 1 (2011 - 2013):

- Thực hiện đồng bộ các nội dung dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình duy trì mức sinh hợp lý, chênh lệch giới tính khi sinh ở mức 110 bé trai/100 bé gái, hoàn thành các chỉ tiêu về sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được giao hàng năm.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, mô hình đã được phê duyệt như: Đề án kiểm soát dân số vùng biển đảo, ven biển; Đề án giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; Đề án nâng cao chất lượng dân số thông qua tuyên truyền vận động phát hiện, can thiệp sớm tật, bệnh ở thai nhi và sơ sinh.

- Triển khai điểm tư vấn sức khỏe sinh sản - tiền hôn nhân; Phòng khám sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình.

- Thực hiện mô hình tư vấn và khám sức khỏe vị thành niên và thanh niên.
- Thực hiện chương trình hành động truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số - kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015.

b) Giai đoạn 2 (2014 - 2015):

Tiếp tục duy trì mức sinh hợp lý, hoàn thành các chỉ tiêu về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được giao hàng năm. Đánh giá sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch hành động, điều chỉnh kế hoạch phù hợp, triển khai toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch hành động dân số - sức khỏe sinh sản của thành phố.

2. Phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch hành động dân số - sức khỏe sinh sản:

a) Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo, tổ chức thực hiện, điều phối các chương trình dân số - sức khỏe sinh sản với những nội dung đã nêu trong kế hoạch hành động trên phạm vi toàn thành phố, đảm bảo gắn kết, lồng ghép chặt chẽ với các kế hoạch khác của ngành y tế và các sở, ngành khác có liên quan.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm phù hợp với Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch hành động vào năm 2013 và năm 2015.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản từ thành phố đến cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình các cấp; đào tạo và bồi dưỡng kỹ thuật cho những đơn vị, người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; thực hiện và ứng dụng những nghiên cứu khoa học liên quan.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính bố trí các nguồn lực cho chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản; chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, dự án về dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch.

c) Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế phân bổ ngân

sách cho Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản; kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách và các quy định hiện hành.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện các nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giới tính và bình đẳng giới cho học sinh; phối hợp với Sở Y tế xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cán bộ y tế trường học về nội dung dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính và bình đẳng giới, phòng chống HIV.

đ) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì đào tạo nghề, nâng cao hiệu quả giới thiệu việc làm và tạo việc làm nhằm sử dụng tối đa lực lượng lao động, phát huy lợi thế của giai đoạn “cơ cấu dân số vàng”; thực hiện các hình thức phù hợp hỗ trợ giáo dục về dân số - sức khỏe sinh sản trong các cơ sở dạy nghề; lồng ghép nội dung dân số - sức khỏe sinh sản vào các chương trình có liên quan do Sở chủ trì; phối hợp với các sở, ngành thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi và vị thế của phụ nữ và trẻ em gái, cải thiện phúc lợi và chất lượng cuộc sống của người cao tuổi.

e) Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng, chỉ đạo thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học về dân số - sức khỏe sinh sản, đặc biệt là những nghiên cứu về nâng cao chất lượng dân số - sức khỏe sinh sản.

g) Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc xây dựng chính sách, quy hoạch, kế hoạch phân bố dân cư gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái; phối hợp với Sở Y tế thực hiện chương trình hạn chế tác hại của môi trường đối với sức khỏe cộng đồng, kiểm soát dân số vùng ven biển; đưa nội dung dân số thành tiêu chí đánh giá tác động môi trường khi xem xét và phê duyệt các chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch.

h) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở - ngành liên quan, chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình nâng cao tầm vóc và thể lực của người dân thành phố; đưa các nội dung dân số - sức khỏe sinh sản lồng ghép tuyên truyền ở cơ sở thực hiện gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển gia đình bền vững, phòng chống bạo lực gia đình.

i) Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các cơ quan truyền thông thực hiện các hoạt động cung cấp thông tin, tuyên truyền, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số - sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới; hỗ trợ cộng đồng và người dân giám sát kết quả thi hành pháp luật và thực hiện chính sách liên quan đến dân số và phát triển.

k) Sở Tư pháp: Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan trong việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách dân số, sức khỏe sinh sản theo hướng tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực dân số.

l) Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thi hành các chính sách dân số - sức khỏe sinh sản, tuyên truyền vận động thực hiện chính sách dân số - sức khỏe sinh sản đối với đồng bào các dân tộc thiểu số.

m) Ủy ban nhân dân các quận - huyện: Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hành động trên địa bàn quản lý; đẩy mạnh phối hợp liên ngành, đặc biệt là trong việc lồng ghép các biện pháp dân số trong công tác kế hoạch hóa và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

n) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên: Vận động các tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động về dân số - sức khỏe sinh sản.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tham gia những hoạt động nhằm đảm bảo bình đẳng giới, tăng cường sức khỏe và phúc lợi gia đình.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia các hoạt động liên quan đến chăm sóc sức khỏe vị thành niên và thanh niên.

- Liên đoàn Lao động Thành phố tham gia các hoạt động hướng tới đối tượng công nhân, viên chức lao động, đặc biệt là lực lượng lao động nhập cư tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Hội Người cao tuổi tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Hội Kế hoạch hóa gia đình tham gia công tác dân số - sức khỏe sinh sản cho các nhóm đối tượng người nhập cư, người khuyết tật, người nhiễm HIV.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua Sở Y tế để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận